

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG



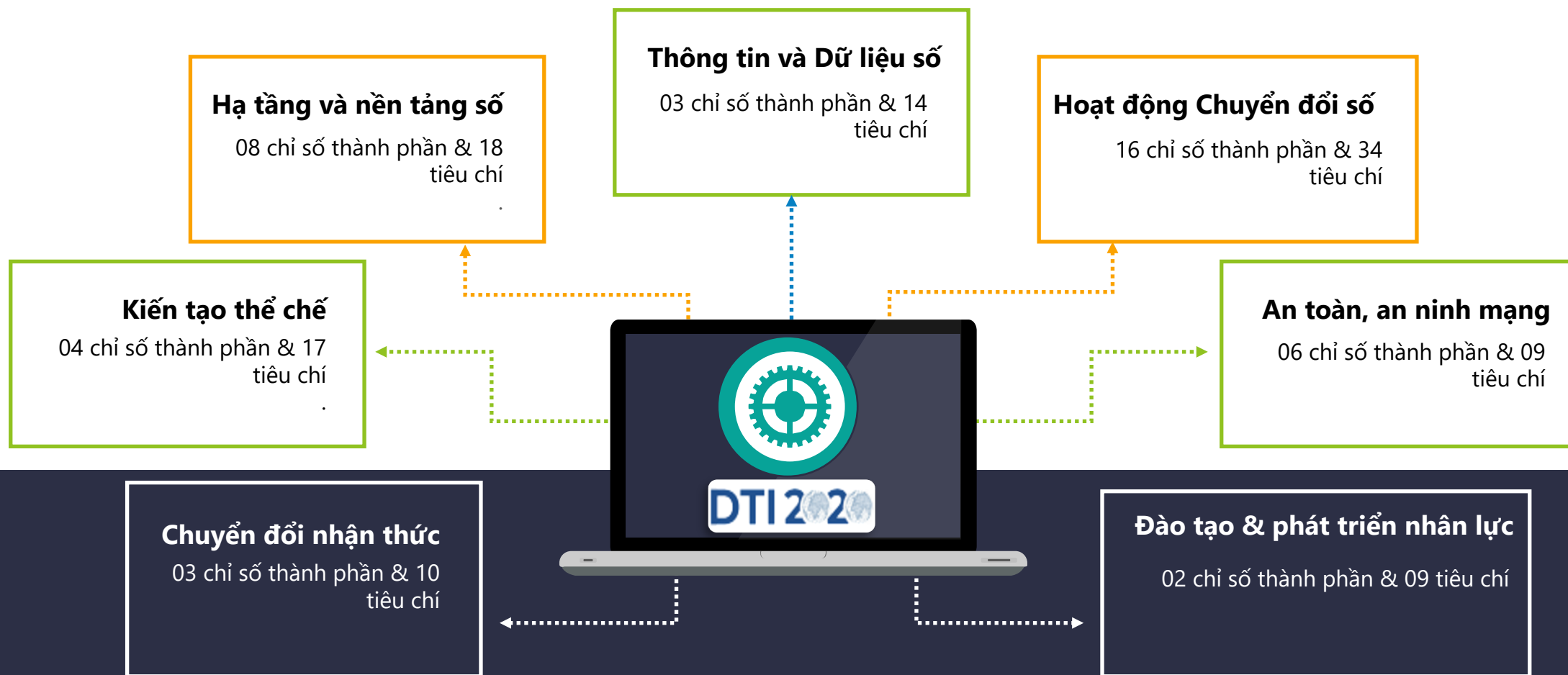
CÔNG BỐ KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP BỘ, CẤP TỈNH NĂM 2020

"Chuyển đổi số khởi đầu khát vọng cho một thập kỷ hành động"

Cấu trúc Bộ Chỉ số DTI cấp bộ (500 điểm)

- Đánh giá chung Chỉ số chuyển đổi số của bộ

- 41 chỉ số thành phần
- 111 tiêu chí

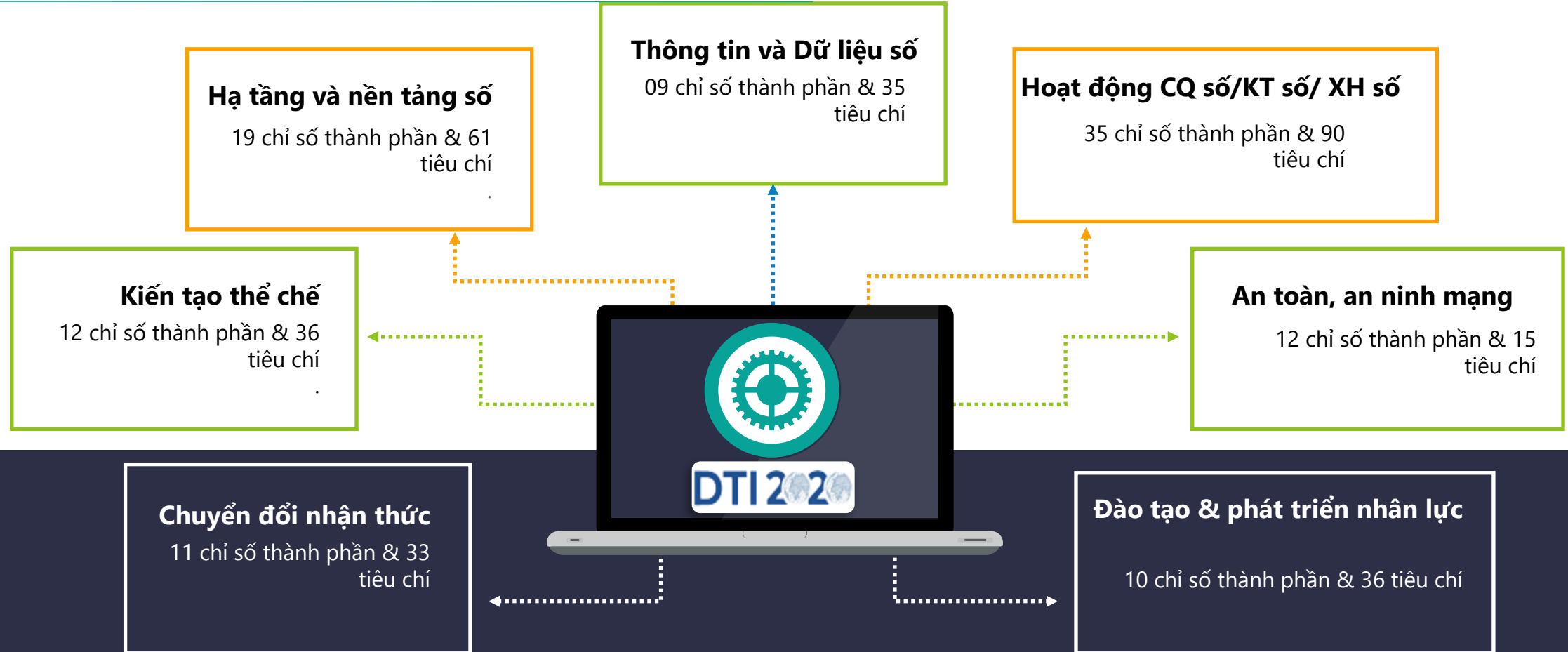


Cấu trúc không đánh giá riêng các trụ cột; Đánh giá chung Chỉ số chuyển đổi số của Bộ trong 07 Chỉ số chính có thành phần khác nhau

Cấu trúc Bộ Chỉ số DTI cấp tỉnh (1000 điểm)

- **Chính quyền số** (400 điểm; 133 tiêu chí)
- **Kinh tế số** (300 điểm; 101 tiêu chí)
- **Xã hội số** (300 điểm, 72)

- **108 chỉ số thành phần**
- **306 tiêu chí**



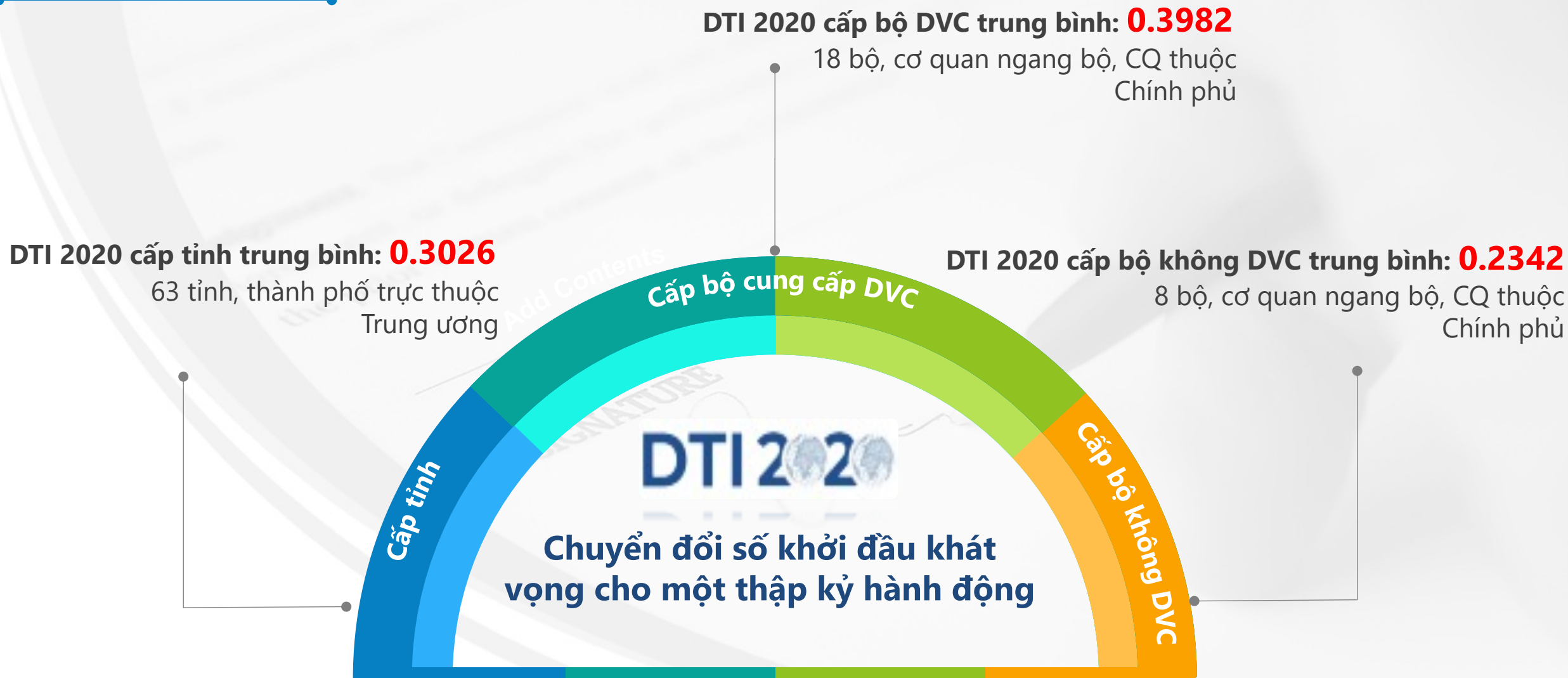
Cấu trúc theo 03 trụ cột (pillar) là: Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số.

Trong mỗi trụ cột có 07 Chỉ số chính, mỗi Chỉ số chính có chỉ số thành phần khác nhau, trong mỗi chỉ số thành phần có các tiêu chí.

Phương pháp đánh giá

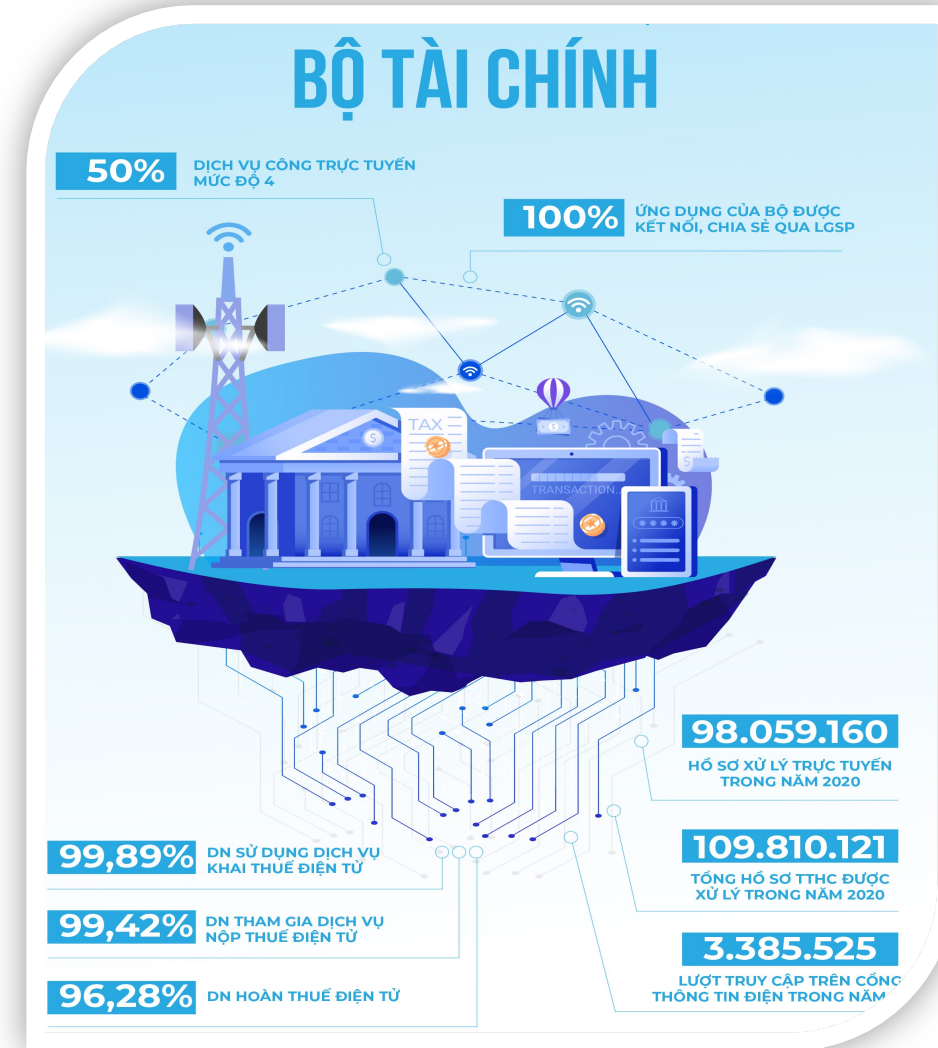
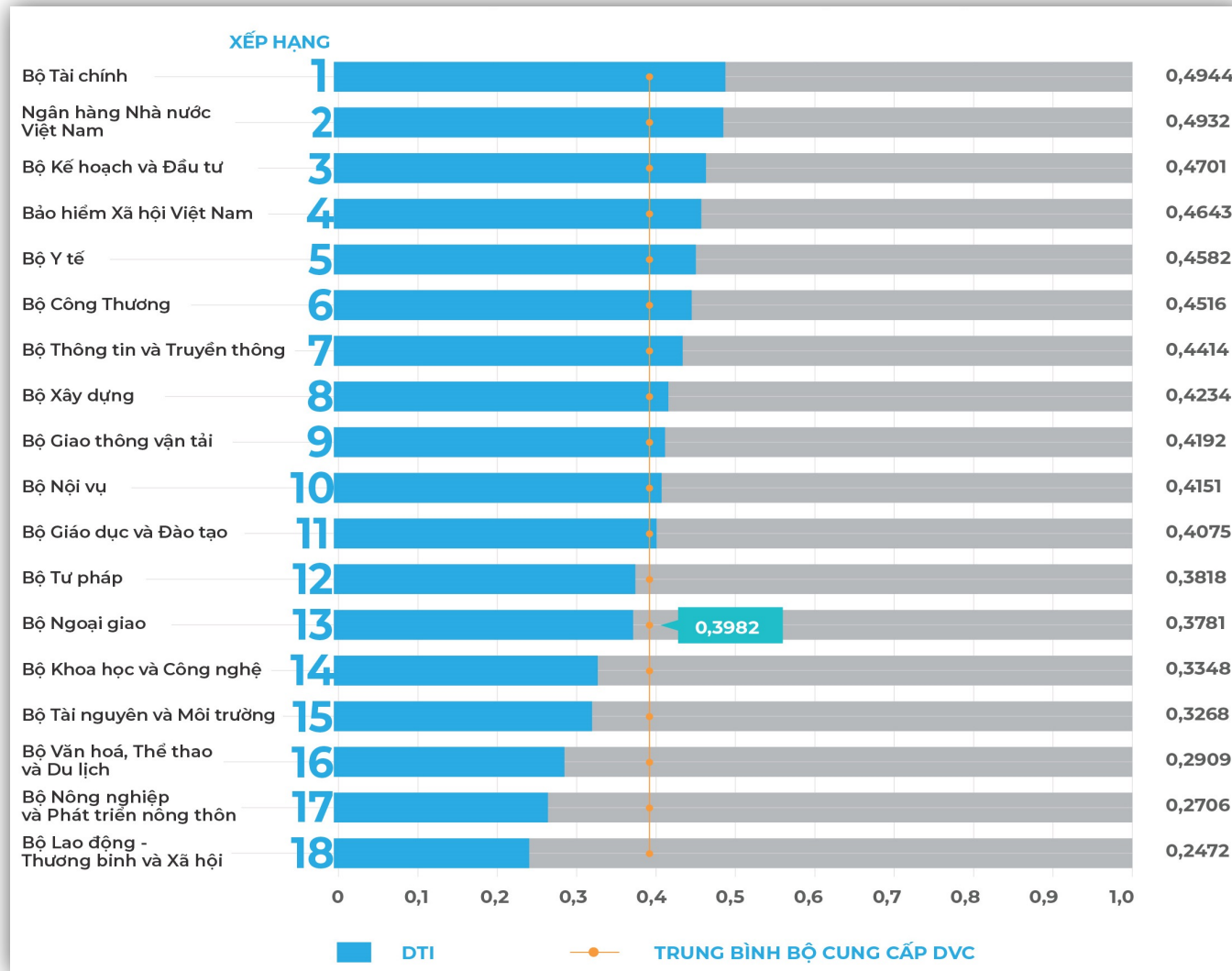
Nguồn SL đánh giá	Hình thức	Phân nhóm xếp hạng	Các bước thực hiện
<ul style="list-style-type: none">• Báo cáo, điều tra XHH (80%)• Sắc thái trên ko gian mạng (10%)• PV chuyên gia (10%)• SL tính từ 1/1/2020 đến 31/12/2020	<ul style="list-style-type: none">• Trực tuyến	<ul style="list-style-type: none">• Các bộ có DVC• Các bộ không có DVC• Tỉnh	<ul style="list-style-type: none">• Bộ/tỉnh bc lần 1 (25/12/2020-5/2/2021)• Bộ TTTT đánh giá lần 1 (1/3/2021-18/3/2021)• Điều tra XHH, đánh giá KGM, đánh giá CG (4/3-31/3)• Bộ/tỉnh bc lần 2 (19/3-26/3)• Bộ TTTT đánh giá lần 2

Đánh giá DTI 2020



Chuyển đổi số mới chỉ bắt đầu

Xếp hạng DTI 2020 cấp Bộ cung cấp dịch vụ công



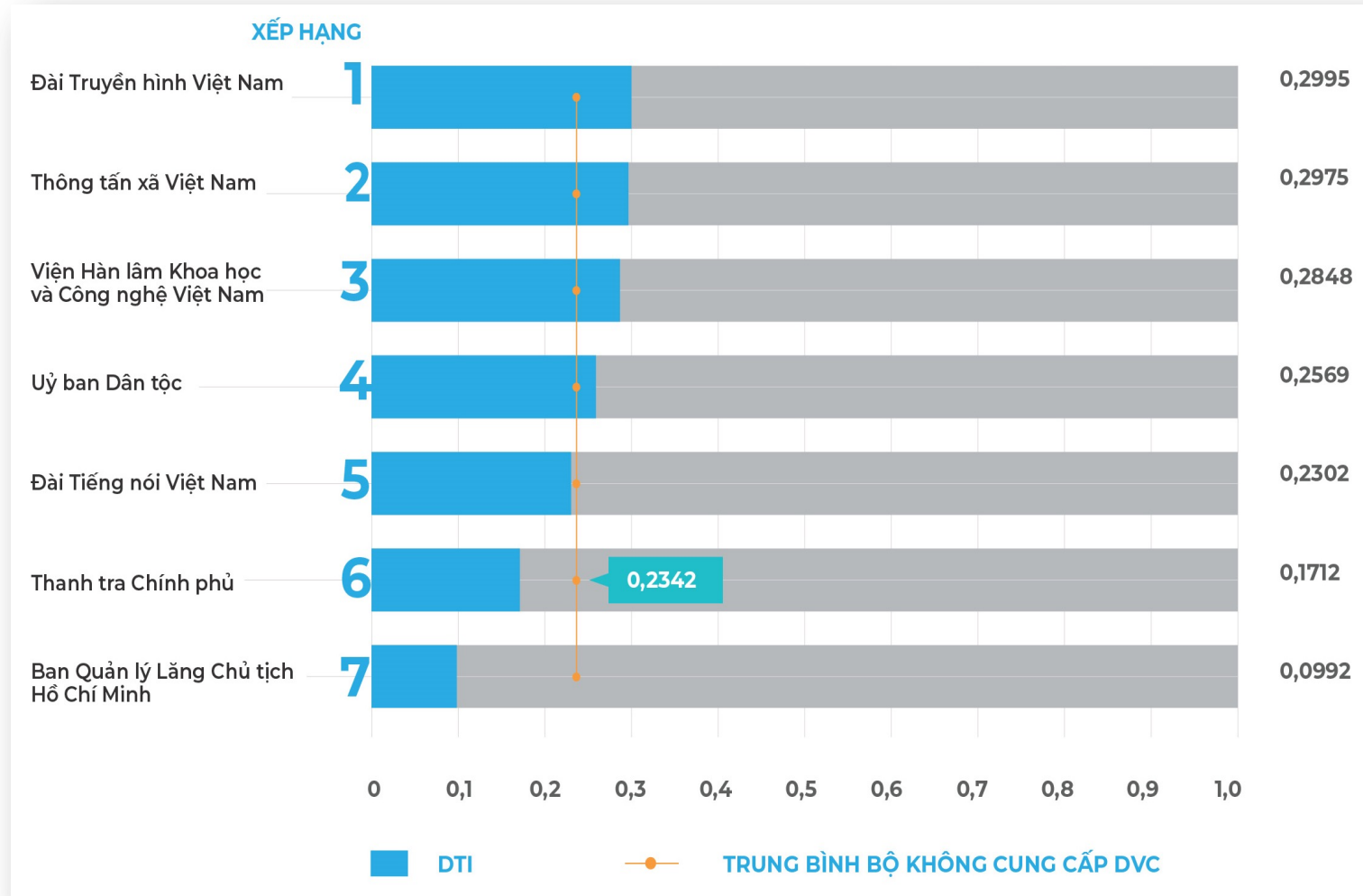
DTI TBC: 0,3982

- **Bộ Tài chính** xếp vị trí thứ nhất với **0.4944**.
- Giá trị DTI thấp nhất (**0.2472**) và cao nhất (**0.4944**)
- **DTI** các bộ không có sự chênh lệch quá lớn.

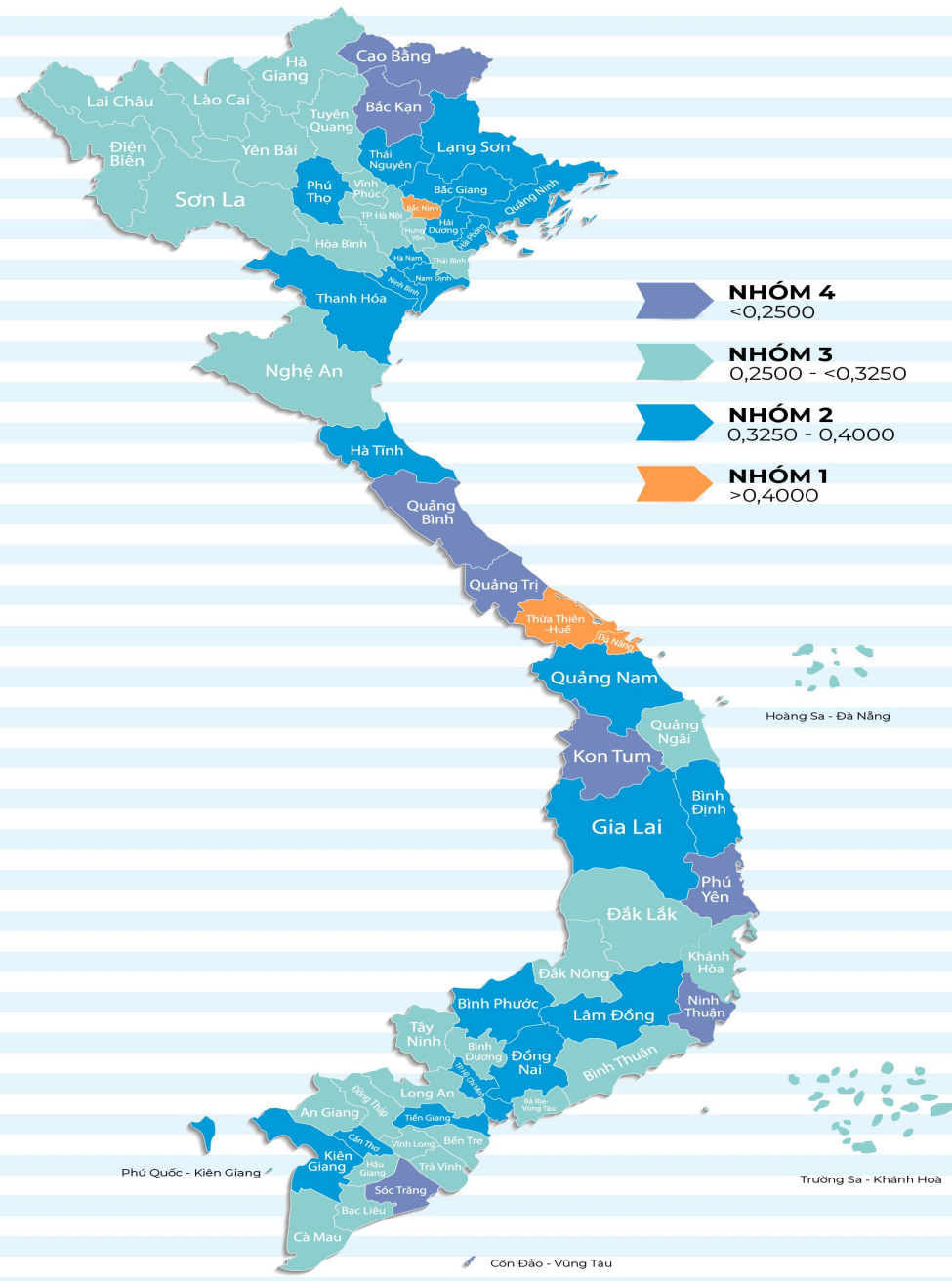
Xếp hạng DTI 2020 cấp Bộ không cung cấp dịch vụ công

DTI TBC: 0,2342

- **Đài Truyền hình Việt Nam** xếp vị trí thứ nhất với **0.2995**
- Giá trị DTI thấp nhất (**0.0992**) và cao nhất (**0.2995**)



XẾP HẠNG DTI	TỈNH, THÀNH PHỐ	DTI
1	TP. ĐÀ NẴNG	0,4874
2	THỪA THIÊN - HUẾ	0,4097
3	BẮC NINH	0,4096
4	QUẢNG NINH	0,3897
5	TP. HỒ CHÍ MINH	0,3848
6	TIỀN GIANG	0,3761
7	TP. CẦN THƠ	0,3696
8	NINH BÌNH	0,3645
9	KIÊN GIANG	0,3631
10	BẮC GIANG	0,3615
11	NAM ĐỊNH	0,3584
12	THÁI NGUYÊN	0,3552
13	BÌNH ĐỊNH	0,3520
14	HẢI DƯƠNG	0,3504
15	THANH HÓA	0,3470
16	LẠNG SƠN	0,3453
17	HÀ NAM	0,3445
18	PHÚ THỌ	0,3359
19	GIA LAI	0,3304
20	ĐỒNG NAI	0,3298
21	TP. HẢI PHÒNG	0,3277
22	HÀ TĨNH	0,3272
23	LÂM ĐỒNG	0,3266
24	QUẢNG NAM	0,3264
25	BÌNH PHƯỚC	0,3258
26	HÀ GIANG	0,3220
27	LÔNG AN	0,3217
28	HẬU GIANG	0,3215
29	AN GIANG	0,3211
30	ĐẮK LẮK	0,3177
31	BÌNH DƯƠNG	0,3169
32	LÀO CAI	0,3133
33	BẾN TRE	0,3031
34	TRÀ VINH	0,3024
35	ĐỒNG THÁP	0,3022
36	NGHỆ AN	0,2923
37	BÌNH THUẬN	0,2880
38	HÒA BÌNH	0,2869
39	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	0,2865
40	YÊN BÁI	0,2860
41	CÀ MAU	0,2845
42	KHÁNH HÒA	0,2777
43	TP. HÀ NỘI	0,2717
44	TUYÊN QUANG	0,2714
45	ĐIỆN BIÊN	0,2713
46	TÂY NINH	0,2686
47	QUẢNG NGÃI	0,2663
48	THÁI BÌNH	0,2635
49	HƯNG YÊN	0,2632
50	LAI CHÂU	0,2627
51	SƠN LA	0,2613
52	VĨNH LONG	0,2591
53	BẠC LIÊU	0,2563
54	ĐẮK NÔNG	0,2557
55	VĨNH PHÚC	0,2547
56	QUẢNG TRỊ	0,2493
57	SÓC TRĂNG	0,2428
58	KON TUM	0,2411
59	BẮC KẠN	0,2410
60	QUẢNG BÌNH	0,2340
61	CAO BẰNG	0,2281
62	PHÚ YÊN	0,2151
63	NINH THUẬN	0,2108



- NHÓM 4**
<0,2500
- NHÓM 3**
0,2500 - <0,3250
- NHÓM 2**
0,3250 - 0,4000
- NHÓM 1**
>0,4000

Xếp hạng DTI 2020 cấp tỉnh

DTI TBC: 0,3026

XẾP HẠNG THỨ NHẤT DTI 2020 CẤP TỈNH ĐÀ NẴNG

XẾP HẠNG 01/63 DTI 2020 CẤP TỈNH

XẾP HẠNG 01/63 CHÍNH QUYỀN SỐ

XẾP HẠNG 01/63 KINH TẾ SỐ

XẾP HẠNG 01/63 XÃ HỘI SỐ

CHÍNH QUYỀN SỐ

- 75% Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4
- 100% Văn bản trao đổi dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật)
- 100% Ứng dụng nội bộ được kết nối, sử dụng qua LOSB
- 100% Hệ thống thông tin được giám sát, bảo vệ bởi SOC

Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã ban hành Nghị Quyết chuyên đề số: **Chon ngày 28/8 là Ngày Chuyển đổi số**

KINH TẾ SỐ

- Tổng doanh thu toàn ngành T&T đạt **30.383 tỷ đồng**
- Công nghiệp CNTT chiếm **7,5% GRDP**
- Tổng quy mô 02 khu CNTT tập trung đang hoạt động **132,8 ha**
- 7000 Doanh nghiệp** Đăng ký ngành nghề liên quan đến lĩnh vực CNTT (Chiếm 20% tổng số doanh nghiệp)

NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT

- 1 ĐỀ ÁN CHUYÊN DỜI SỐ ĐÀ NẴNG** kế thừa những kinh nghiệm và kết quả cơ bản từ 10 năm triển khai Chính quyền điện tử
- ĐỪNG NHẤT** Trong các tỉnh thành 12 năm liên tiếp về ICT Index
Hai năm triển khai Thành phố thông minh
GIẢI THƯỞNG ASSOIO SMART CITY 2019
Tổ chức công nghiệp điện toán Châu Á - Châu Đại Dương
- 2 TRIỂN KHAI CÔNG DỮ LIỆU MỞ** để cung cấp dữ liệu, công khai thông tin cho người dân, doanh nghiệp: <https://opendata.danang.gov.vn/>
- 3 TRUNG TÂM GIÁM SÁT**
 - ~ 200 Camera giám sát giao thông thông minh
 - ~ 1.800 Camera an ninh chuyên dụng
 - ~ 34.500 Camera giám sát an ninh huy động từ người dân, doanh nghiệp
- 4 100% Y TẾ CÁC CẤP** Triển khai ứng dụng y tế điện tử trên một nền tảng dùng chung

XÃ HỘI SỐ

- ~92% Hộ gia đình có Internet băng rộng
- >91% Người dân sử dụng điện thoại di động thông minh
- 180.000** Tài khoản điện tử Của công dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ trên mạng của chính quyền thành phố
- Số lượng nhân lực CNTT tính đến cuối năm 2020 đạt **~40.500 Người**
- 40** Cơ sở đào tạo về CNTT&T
- Cung cấp mỗi năm cho thị trường **~4.000** Kỹ sư, cử nhân

Danang Smart City
Hotline điện thoại "1022"

Xếp hạng DTI 2020 cấp tỉnh

➤ Kết quả xếp hạng DTI các tỉnh, thành phố trong nhóm **10** tỉnh dẫn đầu: **Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Bắc Ninh, Quảng Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Cần Thơ, Ninh Bình, Kiên Giang, Bắc Giang.**

➤ **Đà Nẵng** xếp vị trí thứ nhất với **0.4874** và địa phương xếp vị trí thứ nhất cả 3 trụ cột: Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số.

➤ Giá trị DTI thấp nhất (**0.2108**) và cao nhất (**0.4874**) so với giá trị trung bình **0.3026** cấp tỉnh không quá chênh lệch.

➤ **Trung bình Chính quyền số: 0.3611**

➤ **Trung bình Kinh tế số: 0.2568**

➤ **Trung bình Xã hội số: 0.2898**

XẾP HẠNG DTI	TỈNH, THÀNH PHỐ	XẾP HẠNG CHÍNH QUYỀN SỐ	XẾP HẠNG KINH TẾ SỐ	XẾP HẠNG XÃ HỘI SỐ
1	TP. ĐÀ NẴNG	1	1	1
2	THỪA THIÊN - HUẾ	2	13	10
3	BẮC NINH	8	2	2
4	QUẢNG NINH	5	14	3
5	TP. HỒ CHÍ MINH	9	6	7
6	TIỀN GIANG	11	11	4
7	TP. CẦN THƠ	4	10	21
8	NINH BÌNH	19	4	6
9	KIÊN GIANG	15	12	8
10	BẮC GIANG	7	14	25
11	NAM ĐỊNH	14	24	5
12	THÁI NGUYÊN	3	19	37
13	BÌNH ĐỊNH	13	17	17
14	HẢI DƯƠNG	22	9	13
15	THANH HÓA	10	7	31
16	LẠNG SƠN	18	8	24
17	HÀ NAM	6	40	23
18	PHÚ THỌ	49	3	9
19	GIA LAI	17	33	18
20	ĐỒNG NAI	25	29	16
21	TP. HẢI PHÒNG	33	20	14
22	HÀ TĨNH	23	43	12
23	LÂM ĐỒNG	20	16	38
24	QUẢNG NAM	31	25	11
25	BÌNH PHƯỚC	24	37	15
26	HÀ GIANG	30	23	19
27	LONG AN	33	21	20
28	HẬU GIANG	26	18	35
29	AN GIANG	29	22	26
30	ĐẮK LẮK	21	37	27
31	BÌNH DƯƠNG	28	5	43
32	LÀO CAI	12	45	40
33	BẾN TRE	39	36	22
34	TRÀ VINH	27	32	36
35	ĐỒNG THÁP	35	35	28
36	NGHỆ AN	40	34	32
37	BÌNH THUẬN	42	26	42
38	HÒA BÌNH	16	46	60
39	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	36	51	32
40	YÊN BÁI	47	39	29
41	CÀ MAU	43	28	46
42	KHÁNH HÒA	41	47	41
43	TP. HÀ NỘI	48	27	54
44	TUYÊN QUANG	53	43	39
45	ĐIÊN BIÊN	46	41	48
46	TÂY NINH	32	57	53
47	QUẢNG NGÃI	44	31	59
48	THÁI BÌNH	38	60	52
49	HƯNG YÊN	61	30	34
50	LAI CHÂU	54	48	49
51	SƠN LA	45	55	50
52	VĨNH LONG	37	49	62
53	BẠC LIÊU	55	52	45
54	ĐẮK NÔNG	60	50	30
55	VĨNH PHÚC	52	42	56
56	QUẢNG TRỊ	57	53	47
57	SÓC TRĂNG	51	58	58
58	KON TUM	56	62	51
59	BẮC KẠN	59	56	44
60	QUẢNG BÌNH	50	63	61
61	CAO BẰNG	58	61	55
62	PHÚ YÊN	62	54	63
63	NINH THUẬN	63	59	57

Đề xuất & Kiến nghị



01

Chỉ số chuyển đổi số còn thấp, các bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số **theo 3 trụ cột (CPS, KTS, XHS)**.

02

Dựa vào DTI, bộ, ngành và địa phương ưu tiên thúc đẩy các chỉ số còn vị trí thấp.

03

Đề nghị bộ ngành & địa phương cho ý kiến để chỉnh sửa bộ Chỉ số DTI cho phù hợp với thực tế (có ý nghĩa và có khả năng thu thập dữ liệu), ổn định với các năm tiếp theo.



Trân trọng cảm ơn!

Tài liệu đăng tải

